

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-01-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhuận

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Khu 4, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

2. Bị Đơn: Anh Phạm Hùng H - sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Khu 4, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (đã tuyên bố mất tích từ ngày 01/3/2016).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Hùng H kết hôn ngày 27/3/2014, tự nguyện có đăng ký tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ, sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố

mẹ đẻ anh H và làm ruộng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, nên mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 02/2015, anh H nói với chị và gia đình là đi làm ăn còn đi làm gì ở đâu thì chị và gia đình không biết, chị và gia đình đã đi tìm kiếm anh H ở nhiều nơi nhưng không có tin tức gì của anh hạnh. Chị đã có đơn yêu cầu tòa án tuyên bố anh H mất tích, Tòa án đã thông báo tìm kiếm anh H trên báo và đài phát thanh của trung ương theo quy định của pháp luật, nhưng cũng không có tin tức gì của anh H và đã tuyên bố anh H mất tích từ ngày 01/3/2016. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 01 con chung Phạm Thùy T - sinh ngày 23/01/2015, hiện nay đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, khi nào anh H trở về có yêu cầu thì giải quyết sau.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật không vi phạm gì và đề nghị HĐXX xử: Áp dụng: Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2, 3 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Hùng H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thùy T - sinh ngày 23/01/2015, anh Phạm Hùng H không ai phải cấp dưỡng vì chị T không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Hùng H đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng với nhau về kinh tế nên mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Anh H đã bỏ nhà đi từ tháng 02/2015 đến nay không có tin tức gì và đã được Tòa án tuyên bố mất tích kể từ ngày 01/03/2016, Nay chị T đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Xét yêu cầu của chị T là có căn cứ chấp nhận, nên cần giải quyết cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Chị T đã trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ khi anh H mất tích cho đến nay. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển của con chung, cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Hùng H không ai phải cấp dưỡng vì chị T không yêu cầu. Khi nào anh H trở về có yêu cầu thì giải quyết sau.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2, 3 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Hùng H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thùy T - sinh ngày 23/01/2015, anh Phạm Hùng H không ai phải cấp dưỡng vì chị T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự ;
- UBND xã P;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dân